

TÌM HIỂU QUY ĐỊNH THỤ LỘC TRONG CÁC KỲ CÚNG TẾ QUA MỘT SỐ VĂN BẢN TỤC LỆ HÁN NÔM TỈNH HÀ ĐÔNG

NGÔ THỊ THANH TÂM*

Tóm tắt: Tế tự là một trong những tục lệ quan trọng, hiện diện trong hầu hết các văn bản tục lệ Hán Nôm của tỉnh Hà Đông. Trong đó, quy định về việc thụ lộc là một trong những nội dung chính yếu của tục lệ tế tự trong các kỳ cúng tế hàng năm. Việc tìm hiểu về nội dung quy định thụ lộc, về sự khác nhau và thay đổi của quy định biện lễ, để nhằm hướng đến việc nhận diện được nét đặc trưng của quy định thụ lộc trong các tiết cúng tế, cũng như hiểu rõ hơn tính chất của sự thay đổi quy định thụ lộc giữa tục cũ và tục mới của tục lệ tế tự của tỉnh Hà Đông nói riêng và Bắc Kỳ nói chung trong giai đoạn cải lương hương tục thí điểm.

Từ khóa: Thụ lộc, cúng lễ, lễ vật, tỉnh Hà Đông, tục lệ

Abstract: Sacrifice is an important custom, present in most Han Nom customary documents of Ha Dong province. In particular, regulations on enjoy is one of the main content of the sacrificial custom during the annual sacrifice periods. Learning about the content of regulations on enjoy the differences and changes in regulations on enjoy aims to identify the characteristics of regulations on enjoy in sacrifice periods as well as better understand the nature of the change in regulations on enjoy between old and new custom of the sacrificial custom of Ha Dong province in particular, and Bac Ky in general during the pilot period of reformed customs.

Keywords: receiving offerings, sacrifice, offerings, Ha Dong province, customs

Với quan niệm “một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp”, do đó, trong các kỳ tế tự xưa kia, “thụ lộc” luôn là nội dung được ghi chép phổ biến nhất, chi tiết nhất trong các sách tục lệ. Để có thể nhìn nhận rõ các quy định thụ lộc cũng như sự thay đổi của quy định đó, chúng tôi đã tìm hiểu một số văn bản tục lệ viết bằng chữ Hán, chữ Nôm giai đoạn cải lương hương tục thí điểm¹ có ghi cụ thể quy định về lệ thụ lộc và sự thay đổi của lệ này của tỉnh

Hà Đông, hiện được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và tại kho sách của Thư viện Viện Thông tin Khoa học xã hội.

1. Các quy định về việc thụ lộc

1.1. Các tiết lễ có ghi chép về việc thụ lộc

Trước hết, các văn bản tục lệ Hán Nôm tỉnh Hà Đông nói chung có niên đại khá muộn (trong khoảng từ năm 1915-1921).

* ThS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Khoảng thời gian này cũng là thời điểm phản ánh sự chuyển biến đáng kể trên nhiều bình diện của tục lệ, trong đó có tục lệ về tế tự. Ngoài ra, số lượng điều lệ tế tự trong các văn bản tục lệ tuy không nhiều với chủ yếu chỉ có 3,4 hoặc 5,6 điều lệ,

nhưng ít nhiều đã thể hiện được tương đối đầy đủ, đa dạng về các tiêu mục tế tự và các quy định thụ lộc trong các kỳ cúng tế. Điều này được thể một cách cụ thể trong bảng thống kê dưới đây.

Bảng 1. Bảng thống kê điều lệ về tế tự có trong một số văn bản tục lệ của huyện Thường Tín, tỉnh Hà Đông²

TT	Văn bản	Số điều lệ về tế tự	Niên đại	Kí hiệu
1	Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Phú Xuyên huyện Mỹ Lâm tổng Ứng Hòa xã phong tục	5	Khải Định thứ 2 (1917)	HU'N.352
2	Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Thanh Trì huyện Vĩnh Ninh tổng Vĩnh Thị xã tục lệ	5	Duy Tân thứ 9 (1915)	HU'N.356
3	Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Dưỡng Hiền xã hương ước	8	Khải Định thứ 6 (1921)	HU'N.363
4	Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Vĩnh Lộc làng hương ước	3	Khải Định thứ 5 (1920)	HU'N.370
5	Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Phú Cốc làng hương ước	3	Khải Định thứ 6 (1921)	HU'N.371
6	Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Đại Gia xã hương ước	5	Khải Định thứ 6 (1921)	HU'N.374
7	Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Ba Lãng làng hương ước	4	Khải Định thứ 5 (1920)	HU'N.389
8	Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Bình Vọng xã hương ước	8	Khải Định thứ 6 (1921)	HU'N.390
9	Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Tín Yên tổng Hà Vĩ xã hương ước	3	Khải Định thứ 5 (1920)	HU'N.407
10	Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Bạch Liên xã hương ước	7	Khải Định 6 (1921)	HU'N.417
11	Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Đồng Quan xã hương ước	3	Khải Định thứ 6 (1921)	HU'N.421
12	Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Thụy Phú xã hương ước	5	Khải Định thứ 6 (1921)	HU'N.431
13	Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Trát Cầu xã hương ước	5	Khải Định thứ 6 (1921)	HU'N.433
14	Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Tự Nhiên Châu xã hương ước	6	Khải Định thứ 5 (1920)	HU'N.434
15	Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Tín Yên xã Yên Định thôn hương ước	6	Khải Định thứ 5 (1920)	HU'N.436
16	Hà Đông tỉnh Phú Xuyên huyện Thịnh Đức Hạ tổng Thịnh Đức Thượng xã tục lệ	23	Duy Tân thứ 4 (1910)	AF.a2/44

Qua tìm hiểu cho thấy, hầu hết các văn bản tục lệ Hán Nôm tỉnh Hà Đông giai đoạn cải lương hương tục thí điểm đều có ghi chép về quy định thụ lộc trong hầu hết các tiết tế lễ hàng năm. Để cụ thể hóa số lượng các tiểu mục tế tự trong năm ghi chép quy định thụ lộc, chúng tôi lập ra bảng thống kê sau:

Bảng 2: Các tiết lễ trong năm có ghi chép về việc thụ lộc

TT	SL điều lệ Lễ	HU N.35 2	HU N.35 6	HU N.36 3	HU N.37 0	HU N.37 1	HU N.37 4	HU N.38 9	HU N.39 0	HU N.40 7	HUN .417	HU N.42 1	HU N.43 1	HU N.43 3	HU N.43 4	HU N.43 6	Số lượn g lễ tiết
		(4)	(7)	(8)	(3)	(3)	(5)	(4)	(8)	(3)	(7)	(3)	(5)	(5)	(6)	(6)	
1	Cạnh phục										□+						1/1
2	Cầu an	□+	□	□			□+	□+	□	□+	□	□	□	□+			5/11
3	Cầu phúc	□+	□	□+			□	□+	□		□+	□+	□+				6/9
4	Đại tịch									□+				□+		□+	3/3
5	Đoan dương			□+	□			□+	□		□+			□	□	□	3/8
6	Đoan ngọ		□+	□+						□+		□					3/4
7	Động thổ	□	□				□			□+							1/4
8	Giao thừa	□						□+			□+		□		□		2/5
9	Hạ điền	□	□+	□+				□+	□		□+	□+	□				5/9
10	Hạp án		□	□+													1/2
11	Hương lão													□			0/1
12	Khai ấn		□	□+						□+							2/3
13	Khai hạ	□	□	□+			□+		□		□+	□				□+	4/8
14	Kỵ Hậu						□+		□		□+	□	□				2/5
15	Kỵ Thần											□+					1/1
16	Kỵ Tiên sư											□					0/1
17	Lễ sinh hóa Thần	□									□+		□			□+	2/4

[illegible]

Ghi chú: các tiết tế lễ trong năm được ghi chép trong văn bản, + các tiết tế lễ trong năm có ghi chép về việc thụ lộc

Qua bảng thống kê trên, cho thấy, trong các văn bản tục lệ Hán Nôm tỉnh Hà Đông ghi chép tục lệ tế tự nói chung và quy định thụ lộc trong các kỳ cúng tế nói riêng có một số đặc điểm cơ bản sau:

Một là, tục tế tự nơi đây tương đối phong phú, đa dạng về số lượng các tiểu mục tế tự (gồm có 43 tiểu mục). Mặt khác, các tiểu mục tế tự thường hiện hữu một cách rải rác trong từng văn bản với số lượng nhiều ít khác biệt nhau, song phần nào cho thấy ở làng này nơi kia trong tỉnh Hà Đông, việc cúng tế dường như được diễn ra thường xuyên, liên tục quanh năm.

Hai là, có duy nhất xã Bình Vọng không ghi quy định thụ lộc, các văn bản tục lệ còn lại, dù nhiều hay ít đều hàm chứa thông tin này. Trong đó, có làng Phú Cốc (富穀廊, HUN.371), làng Ba Lăng (吧麥廊, HUN.389), và xã Hà Vĩ (河尾社, HUN.407) ghi chép quy định thụ lộc trong tất cả các kỳ cúng tế. Những làng còn lại nội dung này được ghi chép không đầy đủ: xã Ứng Hòa (應和社, HUN.352) có 5/16 tiết lễ ghi chép quy định thụ lộc, chiếm 31,25%; xã Vĩnh Thị (永市社, HUN.356): 5/22 (22,7%); làng Vĩnh Lộc (永祿廊, HUN.370) 1/ (16,7%); xã Thụy Phú (瑞富社, HUN.431) 1/12 (8,3%); xã Trát Cầu (札棣社, HUN.433) 2/11 (18,2%);...

Ba là, trong số khá nhiều tiết lễ được thống kê ở trên, chỉ có một số ít tiết lễ có tần xuất xuất hiện khá nhiều trong các văn bản, đó là các tiết Nguyên đán (12/15 văn bản), Cầu an (11/15 văn bản), Cầu phúc, Hạ điền và Thường tân (9/15 văn bản), Sóc vọng và Khai hạ (8/15 văn bản), Thượng điền (7/15 văn bản). Dường như, các văn

bản tục lệ Hán Nôm tỉnh Hà Đông đã phần nào phản ánh sự tập trung vào các tiết lễ lớn trong năm và có tính phổ biến trong đời sống văn hóa, tinh thần của người dân nơi đây. Hơn nữa, một điều đáng lưu ý là trong số các văn bản được khảo sát tại đây, nội dung thụ lộc không nhiều như thông lệ. Ví dụ: Cầu an có 5/11 lần xuất hiện quy định thụ, Cầu phúc 6/9 lần, Nguyên đán 4/12 lần, Đoan dương 3/8 lần.

Có thể thấy, ở giai đoạn cải lương thí điểm, với chủ trương tiết giảm chi phí, người ta đã không còn quá câu nệ việc tách bạch tầng bậc, phân chia rườm rà, phiền phức trong việc thụ lộc. Do đó, các văn bản tục lệ Hán Nôm tỉnh Hà Đông đã ít nhiều có đóng góp ý nghĩa trong việc phản ánh về sự chuyển biến tích cực, mới mẻ trong nếp sống tinh thần của người dân nơi đây. Tiếp theo, chúng tôi đi vào tìm hiểu về vấn đề cổ biểu và đối tượng thụ lộc.

1.2. Cổ biểu và đối tượng thụ lộc

Theo thống kê của chúng tôi, trong 18 tiết lễ có tổng cộng 58 lần các văn bản tục lệ ghi chép về quy định thụ lộc. Cụ thể là:

- Về cổ biểu: có 35/58 lần các văn bản không ghi cổ biểu, có 14/58 lần ghi chép cổ biểu một cách đại khái, không rõ ràng, cụ thể. Chẳng hạn, xã Bạch Liên (HUN.417) ghi chép về cổ biểu/ cổ thừa huệ vào các tiết Đoan Dương, Giao thừa, Thượng điền, Hạ điền, Kỵ Hạp khá chung chung: “Lễ xong rồi, ba tộc hội họp thụ huệ (tộc bô lão, tộc viên chức, tộc thôn trưởng) từ 6 bàn trở lên/礼双来巴族會合受惠(族舖老族員戢族村長)自扞盘以上” (Điều 132-133, tr.37); xã Dương Hiền (HUN.363) ghi chép về cổ biểu/ cổ thừa huệ vào các tiết Đoan Ngọ, Hạ

Thượng điền, Khai ấn, Khai hạ, Nguyên đán, Thượng nguyên cũng không cụ thể: “Đệ niên các kỳ lễ những ngày Nguyên đán, Khai hạ, Thượng nguyên, Khai ấn, Hạp ấn, Đoan dương, Thượng Hạ điền yết lễ giao lệ chỉ dùng mỗi kỳ (...) từ Thủ chỉ, người Thôn trưởng phải sửa rồi quân làm mười năm phân, biểu ông Mệnh bá, Thủ từ, Điền lễ đều một phần, còn bao nhiêu thì những ông Thị lễ cùng người Câu đương, Giáp trưởng được quân tán. Duy có ngày Thượng nguyên, Thượng Hạ điền, giao lệ Đoan dương trích lấy một cân quân cả các cụ lão cùng thụ, hoặc sửa không chu phải phạt một hào/遞年各期禮仍得元旦開賀上元開印闔印端陽上下田謁禮琬例只用每期[...]³ 自首紙畧村長沛撕未均少進畝分俵翁命拜守祠典禮条爻分群包饒辰仍翁侍禮拱畧勾當甲長特均散。惟固得上年上元上下田琬例端陽摘祀爻斤均奇各具老窮受或撕空週沛罰爻毛”/(Điều 108, tr.33-34).

Số còn lại có ghi chép một cách cụ thể hơn về cỗ biểu, song, nhìn chung, cỗ biểu trong các tiết lễ là thủ lợn, cau, bánh, chuối, quả, với số lượng không nhiều. Có thể thấy, quy định về cỗ biểu trong các văn bản cải lương hương tục thí điểm của phủ Thường Tín không được chú trọng như thời kỳ trước, có đề cập đến đi chăng nữa, thì cũng chỉ mang tính đại khái mà thôi.

- Về đối tượng thụ lộc: theo thống kê, trong số tổng cộng 58 lần các văn bản tục lệ ghi chép về quy định thụ lộc, có 36/58 lần đối tượng thụ lộc là đồng dân, hoặc giáp, điểm, hội, mà không có sự phân biệt thứ tự, chức vị, như: các tiết Cầu an, Sinh hóa thần, Thường tân: “Tế xong, điểm nào mang về Đương cai điểm ấy mà chia đều nhau/祭双

筭帶忙術當該筭衣廡紛調平饒” (HUN.374, Đ.127, tr.46); “拱受福”/Cùng thụ phúc (HUN.389, Đ.108, 34);...; có 15/58 lần các văn bản ghi rõ đối tượng được thụ lộc là chức sắc, quan viên, phẩm hàm, kỳ dịch (như tiết Cầu Phúc của xã Dương Hiền (HUN.363) ghi “Quan viên, chức sắc, chức ti, huynh hạng, Kỳ dịch phải nhật dạ túc hầu triều tịch cùng khách lễ bao nhiêu thánh trách thì những ông ấy gọi là quan viên trong đình được thụ cả; Câu đương, Giáp trưởng đều được một phần. Nhưng lại mời các cụ lão trong Văn sắc một tiệc rượu, biểu mỗi ông là 3 quả cau/官員戩司兄項吧耆役沛日夜宿候仍朝夕穷客禮包饒聖辰仍翁衣吟羅官員中亭特受奇句當甲長条持爻分。仍吏咍各具老畧文色爻席醕俵每翁羅吧菓棹” (Điều 115, tr.37-38); tiết Thượng điền của xã Đồng Quan (HUN.421) ghi “Chỉ có quan viên, Kỳ mục uống rượu/只固官員耆目咍醕” (Điều 129, tr.70); có 7/58 lần các văn bản ghi rõ đối tượng được thụ lộc là các chức sự tế lễ, như tiết Đoan ngọ, Hạ Thượng điền, Khai ấn, Khai hạ, Nguyên đán, Thượng nguyên của xã Dương Hiền (HUN.363) đều ghi đối tượng thụ lộc là: “Biểu ông Mệnh bá, Thủ từ, Điền lễ đều một phần, còn bao nhiêu thì những ông Thị lễ cùng người Câu đương, Giáp trưởng được quân tán. Duy có ngày Thượng nguyên, Thượng Hạ điền, giáo lệ Đoan dương trích lấy một cân quân cả các cụ lão cùng thụ hoặc sửa không đều phải tội một hào /俵翁命拜守祠典禮条爻分群包饒辰仍翁侍禮拱畧勾當甲長特均散。惟固得上年上元上下田琬例端陽摘祀爻斤均奇各具老窮受或撕空週沛罰爻毛”/(Điều 108, tr.33)”. Tuy nhiên, cũng có trường hợp, trong cùng một tiết lễ, nhưng các văn bản có sự quy định về đối tượng thụ lộc

không đồng nhất với nhau. Có thể kể ra như: tiết Cầu phúc có 5 văn bản tục lệ ghi chép về đối tượng thụ lộc, trong đó có 1 văn bản (HUN.363) quy định đối tượng thụ lộc là chức sắc, quan viên, phẩm hàm, kỳ dịch, còn lại 4 văn bản (HUN.389, HUN.417, HUN.421, HUN.431) quy định là cả dân hay giáp cùng thụ hưởng; tiết Hạ điền có 5 văn bản tục lệ ghi chép về đối tượng thụ lộc, trong đó bao hàm cả có cả 3 đối tượng thụ lộc. Có thể thấy, đối tượng thụ lộc được đề cập trong các văn bản tục lệ đại đa số là cả dân, hay giáp, điểm cùng thụ hưởng; tiếp đến là quan viên, khoa mục, chức sắc, kỳ dịch; và cuối cùng là những người phụ trách nghi thức cúng lễ. Bên cạnh đối tượng thụ lộc, các văn bản cũng cho thấy sự khác nhau trong lệ thụ lộc ở các tiết lễ khác nhau, cũng như sự thay đổi trong quy định của nội dung này.

2. Sự khác biệt và thay đổi về quy định thụ lộc

2.1. Sự khác nhau về quy định thụ lộc giữa các tiết lễ hàng năm

- Về sự khác nhau về quy định cổ biểu giữa các tiết lễ, ghi chép về cổ biểu trong các tiết lễ có 3 dạng thức: không ghi, ghi đại khái và ghi cụ thể. Trong đó, hình thức không ghi chiếm số lượng vượt trội, với 35/58 văn bản (60,3%); tiếp đến là hình thức ghi chép cổ biểu một cách đại khái 14/58 (24,1%); cuối cùng là hình thức ghi chép cổ biểu cụ thể 9/59 (15,5%). Số liệu này đã phản ánh rõ ràng rằng: việc ghi chép cổ biểu trong các tiết lễ hàng năm của phủ Thường Tín nói riêng, tỉnh Hà Đông nói chung không được chú trọng như giai đoạn trước cải lương thi điểm. Ngoài ra, tần suất xuất hiện của các dạng thức ghi chép giữa các tiết lễ cũng có những điểm khác nhau đáng kể. Điều này được thể hiện khá rõ qua bảng thống kê dưới đây.

Bảng 3. Hình thức ghi chép quy định cổ biểu giữa các tiết lễ hàng năm

Stt	Lễ	Hình thức ghi chép cổ biểu		
		Không ghi	Ghi cụ thể	Ghi đại khái
1	Cầu an	+		
2	Cầu phúc		+	
3	Đại tịch		+	
4	Đoan dương			+
5	Đoan ngọ			+
6	Giao thừa			+
7	Hạ điền			+
8	Khai ấn			+
9	Khai hạ			+
10	Kị hậu			+
11	Lễ hóa sinh Thần			+
12	Nguyên đán			+
13	Sóc vọng	+		
14	Thánh đàn	+		
15	Tế Xuân Thu			+
16	Thượng điền			+
17	Thượng nguyên			+
18	Thường tân		+	
Tổng		3	3	12

Có thể thấy, hình thức ghi cụ thể chỉ hiện diện khiêm tốn trong 3 tiết lễ, trong khi đó, hình thức ghi đại khái diễn ra tương đối nhiều trong các tiết lễ (có trong 12 tiết lễ). Đây chủ yếu là những tiết lễ lớn trong năm, có ý nghĩa quan trọng trong đời sống văn hóa, tinh thần của người dân, đồng thời, phần nào cũng phản ánh việc quy định cổ biểu trong các kỳ tế lễ trong phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông không nặng nề, phiền nhiễu.

- Về sự khác nhau về quy định đối tượng thụ lộc giữa các tiết lễ, trước hết, sự khác nhau thể hiện ở đối tượng thụ lộc nói chung, bao gồm 3 nhóm đối tượng thụ lộc chính, đó là: 1. Cả dân hoặc giáp, điểm; 2. Chức sắc, quan viên, Khoa mục, Kỳ dịch; 3. Những người phụ trách nghi thức tế lễ (như các người Chủ tế, Mệnh bá, Thủ tự, Diễn lễ). Theo số liệu thống kê trong phần tìm hiểu về đối tượng thụ lộc, cho thấy, đối tượng thụ lộc là cả dân hoặc giáp, điểm có sự xuất hiện với tần suất phổ biến hơn cả, dường như các quy định thụ lộc không đặt ra sự ưu đãi hay ăn chia riêng biệt theo ngôi thứ, chức sắc. Có thể nói, các văn bản tục lệ Hán Nôm phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông đã ít nhiều truyền tải được một trong những điểm sáng đáng kể

của tục lệ tế tự trong giai đoạn cải lương hương tục thí điểm.

Ngoài ra, sự khác nhau còn về đối tượng thụ lộc trong cùng một tiết lễ giữa các làng với nhau. Chẳng hạn như, tiết Cầu phúc có 5 văn bản tục lệ ghi chép về đối tượng thụ lộc, trong đó có 1 văn bản (HUN.363) quy định đối tượng thụ lộc là chức sắc, quan viên, phẩm hàm, kỳ dịch, còn lại 4 văn bản (HUN.389, HUN.417, HUN.421, HUN.431) quy định là cả dân hay giáp cùng thụ hưởng; tiết Hạ điền có 5 văn bản tục lệ ghi chép về đối tượng thụ lộc, trong đó hiện diện cả 3 đối tượng thụ lộc (đồng dân thụ lộc - HUN.356, HUN.389; quan viên, chức sắc, khoa mục- HUN.417, HUN.42; người phụ trách nghi thức tế lễ - HUN.363). Điều này đã thể hiện rõ tính độc lập của các làng.

2.2. Sự thay đổi/khác biệt về quy định

Sau khi khảo sát, chúng tôi thấy có 7 văn bản tục lệ ghi rõ sự thay đổi quy định thụ lộc, gồm: Vĩnh Thị (HUN.356), Bình Vọng, Hà Vĩ (HUN.407), Đồng Quan (HUN.421), Tự Nhiên Châu xã (HUN.434), Quế Dương (AF.a2/14), Thịnh Đức Thượng (AF.a2/44). Bảng thống kê lập ra sau đây có thể phản ánh một cách cụ thể sự thay đổi của quy định thụ lộc:

Bảng 4. Sự thay đổi giữa tục cũ và tục mới về quy định thụ lộc ở các kỳ tế lễ của tỉnh Hà Đông

TT	Văn bản	Tiết lễ	Tục cũ			Tục mới		
			Kinh phí	Nguồn kinh phí	Hình thức thụ lộc	Kinh phí	Nguồn kinh phí	Hình thức thụ lộc
1	HUN.356	Các lễ tiết tháng Giêng	0	0	Lợn, rượu ăn uống nhiều	0	0	- “Mỗi hôm một cái thủ lợn, 60 phẩm oản, rượu 3 chai để chức sắc, Kỳ lý ra lễ Đức chúa, rồi ăn uống mà thôi”

								- Bỏ ăn uống nhiều như trước.
2	HUN.390	Cầu phúc, Đoan dương, Trùng cửu, Thượng nguyên, Trung thu	x	0	0	x	0	0
3	HUN.407	Kỳ Đại tịch	x	0	0	x	0	Giáp ấy thụ huệ.
4	HUN.421	Đại Cầu phúc	0	0	0	0	0	Tất cả dân trai từ 7 tuổi trở lên được uống rượu,
		Kỵ Thần, Thượng điền, Hạ điền	0	0	0	x	0	Chỉ có quan viên, kỳ mục uống rượu.
		Cầu phúc, Kỵ Hậu, Sóc vọng	0	0	0	0	x	0
5	HUN.434	Lễ ngự Thánh giá, Mộc dục	x	0	0	x	0	0
6	AF.a2/14	Tế xuân	0	x	0	0	x	Viên mục cùng ăn uống; làm cỗ biếu khoa mục, chức sắc, Tiên Thử chỉ, lý dịch
7	AF.a2/44	Giỗ Hậu	x	0	0	x	0	“Nay xin đổi,... Lễ xong kính biếu từ đường 1 phẩm oản, 3 khẩu trầu cau. Duy chỉ đến ngày 16 tháng 10 sửa biện (...), biếu từ đường mỗi Hậu 1 miếng thịt lợn, 1 phẩm oản, 1 khẩu trầu cau để tránh phiền hà nặng nề. Lễ xong toàn dân cùng thụ hưởng”
Tổng	7	9	4	1	1	5	2	6

Ghi chú: x có ghi chép, 0 không ghi chép.

Qua tìm hiểu, sự thay đổi tục lệ tế tự qua các văn bản Hán Nôm phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông thường diễn ra trên 3 bình diện, đó là: chi phí, nguồn kinh phí và hình thức thụ lộc. Trong mỗi tương quan so

sánh về tần suất thay đổi giữa quy định thụ lộc với hai nội dung còn lại của tục lệ tế tự, cho thấy, sự thay đổi về quy định thụ lộc chiếm số lượng vượt trội, với 6/9 trường hợp. Ngoài ra, quy định thụ lộc là nội dung

duy nhất trong tục tế tự có 1 trường hợp ghi chép về quy định của tục cũ.

Trong số 6 trường hợp ghi nhận sự thay đổi về quy định thụ lộc, chỉ có 2 trường hợp ghi chép một cách cụ thể, rõ ràng về tế phẩm được dùng cho việc thụ lộc, đối tượng thụ lộc và cả nguyên do của sự thay đổi quy định đó:

- “(...)”⁴ Phải biện mỗi hôm một cái thủ lợn, sáu mươi phẩm oản, rượu ba chai, để Chúc sắc, Kỳ lý ra lễ Đức chúa rồi ăn uống mà thôi. Còn như ngày trước, lợn rượu ăn uống nhiều thì xin thôi / [...] 沛办每最爻丐首猪毡迩品碗醢巴齋底賤色耆里罌礼德主来啞吐腐催。群如郭黼猪醢啞吐鬣辰吁催” (HUN.356, Điều 30, tr.22).

- “Nay xin đổi, (...) Lễ xong kính biếu từ đường 1 phẩm oản, 3 khẩu trâu cau. Duy chỉ đến ngày 16 tháng 10 sửa biện (...), biếu từ đường mỗi Hậu 1 miếng thịt lợn, 1 phẩm oản, 1 khẩu trâu cau để tránh phiền hà nặng nề. Lễ xong toàn dân cùng thụ hưởng/ 今請改, (...) 礼訖敬俵祠堂碗壹品芙留參口。惟至拾月拾陸日應卞 (...). 俵祠堂每后猪肉壹片碗壹品芙留壹口庶免煩重。礼訖全民均受” (AF.a2/44, tr.8b).

Có thể thấy, tục mới quy định về cỗ thụ lộc không quá nặng nề, chủ yếu là thịt lợn, phẩm oản, trâu rượu; đối tượng thụ lộc hoặc là chức sắc, kỳ dịch, hoặc là toàn dân cùng thụ hưởng, và còn phần biếu người ở từ đường; mục đích và ý nghĩa của tục mới về quy định thụ lộc chính là để tránh phiền hà nặng nề. Như vậy, nếu như trước kia trong tiết lễ phải chi phí nhiều cho cả dân ăn uống, thì nay đối tượng thụ lộc đã được thu hẹp lại, chỉ những người đảm trách việc cúng tế mới được thụ lộc. Điều này đồng nghĩa với việc giảm nhẹ mối lo về chi phí

sắc lễ. Với một vài trường hợp ghi nhận sự thay đổi giữa tục cũ và tục mới về quy định thụ lộc, dù không mang tính đại diện cho sự thay đổi của toàn bộ tục lệ tế tự trong thực tế, song, cũng cho thấy phần nào sự cải biến của “lệ làng” qua phong trào cải lương hương tục thí điểm.

Trên đây, chúng tôi đã trình bày một cách tương đối đầy đủ và toàn diện về quy định thụ lộc trong các kỳ tế lễ được phản ánh trong các văn bản tục lệ Hán Nôm tỉnh Hà Đông. Đó là thống kê và trình bày một cách cụ thể những tiết lễ cúng tế có ghi chép về quy định thụ lộc; tìm hiểu, phân tích quy định thụ lộc trong các tiết lễ cúng tế với 2 nội dung chính là cỗ biếu và đối tượng thụ lộc; đồng thời, tìm hiểu sự khác biệt và thay đổi về quy định thụ lộc (bao gồm sự khác nhau về quy định thụ lộc giữa các tiết tế lễ hàng năm, sự thay đổi quy định thụ lộc trong các kỳ tế tự). Từ đó, việc nhìn nhận về quy định thụ lộc trong các kỳ cúng tế của tỉnh Hà Đông tương đối cụ thể, rõ ràng, đồng thời, phần nào có thể phản ánh được sự chuyển mình mang tính tích cực của tục lệ tế tự mới ở tỉnh Hà Đông trong giai đoạn cải lương hương tục thí điểm./

N.T.T.T

Chú thích và tài liệu tham khảo

1. Giai đoạn thí điểm: “trước thời điểm ban hành *Nghị định và lời chỉ thị về việc lập các Hương hội và lập sổ chỉ thu các xã trong xứ Bắc kỳ* - gọi tắt là *Nghị định* - thời điểm tiến hành cải lương chính thức”. (Theo tác giả Đào Phương Chi (2013), “Sự thay đổi về tế tự trong cải lương hương tục thí điểm tại Bắc kỳ qua các văn bản tục lệ chữ Nôm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 4.

2. Theo thống kê của tác giả Ngô Thị Thanh Tâm (2023), “Tìm hiểu quy định biệi lễ trong các kỳ cúng tế qua một số văn bản tục lệ Hán Nôm tỉnh Hà Đông”, *Tạp chí Khoa học*, số 79 (tháng 12/2023).

3. Đoạn văn bản ghi vật phẩm cúng tế trong các kỳ tế lễ.

4. (...): chúng tôi lược bớt nội dung ghi về các việc cúng tế khác, để tập trung trích dẫn nội dung ghi chép quy định thự lộc của tục tế tự trong văn bản.

5. *Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Phú Xuyên huyện Mỹ Lâm tổng Ứng Hòa xã phong tục* 河東省常信府富川縣美林總應和社風俗, ký hiệu: HUN.352.

6. *Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Thanh Trì huyện Vĩnh Ninh tổng Vĩnh Thị xã tục lệ* 河東省常信府青池縣永寧總永市社俗例, ký hiệu: HUN.356.

7. *Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Dương Hiền xã hương ước* 河東省常信府養賢社鄉約, ký hiệu: HUN.363.

8. *Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Vĩnh Lộc làng hương ước* 河東省常信府永祿廊鄉約, ký hiệu: HUN.370.

9. *Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Phú Cốc làng hương ước* 河東省常信府富穀廊鄉約, ký hiệu: HUN.371.

10. *Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Đại Gia xã hương ước* 河東省常信府大家社鄉約, ký hiệu: HUN.374.

11. *Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Ba Lãng làng hương ước* 河東省常信府吧麥廊鄉約, ký hiệu: HUN.389.

12. *Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Bình Vọng xã hương ước* 河東省常信府平望社鄉約, ký hiệu: HUN.390.

13. *Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Tín Yên tổng Hà Vĩ xã hương ước* 河東省常信府信安總河尾社鄉約, ký hiệu: HUN.407.

14. *Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Bạch Liên xã hương ước* 河東省常信府白蓮社鄉約, ký hiệu: HUN.417.

15. *Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Đồng Quan xã hương ước* 河東省常信府同觀社鄉約, ký hiệu: HUN.421.

16. *Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Thụy Phú xã hương ước* 河東省常信府瑞富社鄉約, ký hiệu: HUN.431.

17. *Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Trát Cầu xã hương ước* 河東省常信府札球社鄉約, ký hiệu: HUN.433.

18. *Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Tự Nhiên Châu xã hương ước* 河東省常信府自然洲社鄉約, ký hiệu: HUN.434.

19. *Hà Đông tỉnh Thường Tín phủ Tín Yên xã Yên Định thôn hương ước* 河東省常信府信安社安定村鄉約, ký hiệu: HUN.436.

20. *Hà Đông tỉnh Phú Xuyên huyện Thịnh Đức Hạ tổng Thịnh Đức Thượng xã tục lệ* 河東省富川縣盛德下總盛德上社俗例, ký hiệu AF.a2/44.

21. *Hà Đông tỉnh Đan Phượng huyện Dương Liễu tổng Quế Dương xã phong tục* 河東省丹鳳縣楊柳總桂楊社風俗, kí hiệu AF.a2/14.

22. Phan Kế Bính (1990), *Việt Nam phong tục*. NXB. Tổng hợp Đồng Tháp, Thành phố Hồ Chí Minh.

23. Đào Phương Chi (2013), “Bước đầu tìm hiểu về cải lương hương tục thí điểm tại Bắc kỳ”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1/2013.

24. Đào Phương Chi (2013), “Sự thay đổi về tế tự trong cải lương hương tục thí điểm tại Bắc kỳ qua các văn bản tục lệ chữ Nôm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 4.

25. Đào Phương Chi (2015), “Giải mã hiện tượng dùng nhiều thuật ngữ khác nhau để chỉ khái niệm “cải lương” trong giai đoạn cải lương hương tục thí điểm”, *Nghiên cứu Lịch sử*, số 9.

26. Bùi Xuân Đính (1998), *Hương ước và quản lý làng xã*, NXB. Khoa học Xã hội.

27. Vũ Duy Mền (2000), *Vài nét về hình thức văn bản hương ước làng Việt cổ truyền*, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1.

28. Nhất Thanh. *Đất quê lễ thói*, NXB. Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.

29. Đinh Khắc Thuân (2006), *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam*, NXB. Khoa học xã hội.